



VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 1853/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Leanmax Colostrum
2. Mã số mẫu: 0122401/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong bao bì kín 200 gam - Số lượng: 1
NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 14/01/2022
7. Thời gian thử nghiệm: 14/01/2022 - 24/01/2022
8. Nơi gửi mẫu: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Địa chỉ: Số 5 ngõ 9/76 phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Salmonella	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH
9.2*	L. monocytogenes	CFU/g	ISO 11290-2:2017	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.3*	Enterobacteriaceae	CFU/g	ISO 21528-2:2017	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.4*	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.5*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
9.6*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.7*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.8*	Hàm lượng Thiếc	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,030 mg/kg)
9.9*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.10*	Hàm lượng Melamine	mg/kg	NIFC.04.M.058 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,05 mg/kg)
9.11*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

KT. VIỆN TRƯỞNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số / No: 499/22../QC-PTN...TS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Leanmax Colostrum
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2022/0156/HS1
- Tình trạng mẫu / Status of sample: 300g đựng trong túi thiếc hàn kín
- Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 04/03/2022
- Nơi gửi mẫu / Customer: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / Test duration: Từ ngày/ From: 04/03/2022 đến ngày/To: 15/03/2022
- Nơi thử nghiệm / Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Protein*	g/100g	TCVN 8099-1:2015	18,2
2	Béo *	g/100g	TCVN 7084:2010	20,5
3	Carbohydrate	g/100g	Food energy method of analysis and conversion factor	62,3
4	Năng lượng	Kcal/100g	Food energy method of analysis and conversion factor	505,03
5	MUFA	mg/100g	HD/HS1/154	2785,3
6	PUFA	mg/100g	HD/HS1/154	615,3
7	Omega 3	mg/100g	HD/HS1/154	15,35
8	Omega 6	mg/100g	HD/HS1/154	599,95
9	Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g/100g	HD/HS1/074	3,75
10	Vitamin A	IU/100g	HD/HS1/077	1726,52
11	Vitamin D3	IU/100g	HD/HS1/041	526,67
12	Vitamin E*	IU/100g	HD/HS1/040	16,49
13	Vitamin K2	µg/100g	HD/HS1/077	17,73
14	Vitamin K	µg/100g	HD/HS1/077	27,51
15	Vitamin C*	mg/100g	HD/HS1/018	107,2
16	Vitamin B1*	µg/100g	HD/HS1/039	1115,3
17	Vitamin B2*	µg/100g	HD/HS1/042	813,6
18	Niacin*	mg/100g	HD/HS1/045	13,6
19	Pantothenic acid	µg/100g	HD/HS1/048	4,87
20	Vitamin B6*	µg/100g	HD/HS1/116	1578,8
21	Folic acid	µg/100g	HD/HS1/047	100,5
22	Biotin	µg/100g	HD/HS1/051	27,5
23	Vitamin B12*	µg/100g	HD/HS1/049	6,85
24	Iot	µg/100g	TCVN 7080:2002	208,5
25	Cloride*	mg/100g	AOAC 986.26.2012	586,1

Số/No: 499/22 / QC-PTN 115

(Tiếp theo trang 1)

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
26	Choline	mg/100g	HD/HS1/075	4,14
27	Photpho*	mg/100g	TCVN 9043:2012	392,0
28	Canxi*	mg/100g	TCVN 6838:2011	763,5
29	Natri*	mg/100g	AOAC 985.35.2012	208,1
30	Kali*	mg/100g	AOAC 985.35.2012	414,6
31	Magie*	mg/100g	AOAC 985.35.1012	62,3
32	Kẽm*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	9,00
33	Sắt*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	2,00
34	Đồng*	µg/100g	AOAC 999.11.2012	192,1
35	Mangan*	µg/100g	AOAC 985.35.1012	650,0
36	Selenium	µg/100g	AOAC 986.15.2012	17,1
37	Crom	µg/100g	AOAC 985.35.2012	13,5
38	Molypden	µg/100g	AOAC 986.15.2012	13,6

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2017).
KPH là không phát hiện.

Thử nghiệm viên
Analyst


Lê Thị Dung

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.


Lê Thị Việt Hồng

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

Giám đốc
Director



Trần Quốc Dũng



Report N°: 22012700DE

Page N°: 1/4

Ho Chi Minh City, Date: January 25, 2022

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 25/01/2022

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL22-00785-5

Đơn hàng: FDL22-00785-5

CLIENT'S NAME : NUTRICARE., JSC
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

CLIENT'S ADDRESS : NUTRICARE BUILDING, NO.1, BLOCK 2, VAN PHUC URBAN AREA, HA DONG DISTRICT, HANOI
Địa chỉ : TÒA NHÀ NUTRICARE, SỐ 1, LIỀN KÈ 2, KHU ĐÔ THỊ VẠN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description <i>Mô tả mẫu</i>	: POWDER : <i>Dạng Bột</i>
Number of sample <i>Số lượng mẫu</i>	: 01 sample : <i>01 mẫu</i>
Sample characterisation/ condition <i>Tình trạng mẫu</i>	: Sample (approx. 200g) in aluminium bag : <i>Mẫu (khoảng 200g) chứa trong túi nhôm</i>
Client's reference <i>Chú thích của khách hàng</i>	: Leanmax Colostrum
Date sample(s) received <i>Ngày nhận mẫu</i>	: January 19, 2022 : <i>19/01/2022</i>
Testing period <i>Thời gian thử nghiệm</i>	: January 19 – January 25, 2022 : <i>19/01/2022 – 25/01/2022</i>
Test requested <i>Yêu cầu thử nghiệm</i>	: As applicant's requirements : <i>Theo yêu cầu của khách hàng</i>
Test result <i>Kết quả kiểm nghiệm</i>	: Please refer to the next page(s) : <i>Vui lòng tham khảo trang sau</i>

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.




DETAIL TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
1. 4-Hydroxyproline <i>4-Hydroxyproline</i>	LFOD-TST-SOP-8512	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.9	mg/100g
2. Alanine <i>Alanine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	529	mg/100g
3. Arginine <i>Arginine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	599	mg/100g
4. Aspartic acid (including Asparagine) <i>Axit aspartic (bao gồm Asparagin)</i>	LFOD-TST-SOP-8512	1234	mg/100g
5. Cystine (sum of Cystine and Cysteine, expressed as Cystine) <i>Cystine (tổng của Cystine và Cysteine, quy về Cystine)</i>	LFOD-TST-SOP-8512	173	mg/100g
6. Glutamic acid (including Glutamine) <i>Axit glutamic (bao gồm Glutamin)</i>	LFOD-TST-SOP-8512	3023	mg/100g
7. Glycine <i>Glycine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	340	mg/100g
8. Histidine <i>Histidine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	443	mg/100g
9. Isoleucine <i>Isoleucine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	773	mg/100g
10. Leucine <i>Leucine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	1374	mg/100g
11. Lysine <i>Lysine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	1154	mg/100g
12. Methionine <i>Methionine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	384	mg/100g
13. Phenylalanine <i>Phenylalanine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	709	mg/100g
14. Proline <i>Proline</i>	LFOD-TST-SOP-8512	1410	mg/100g

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

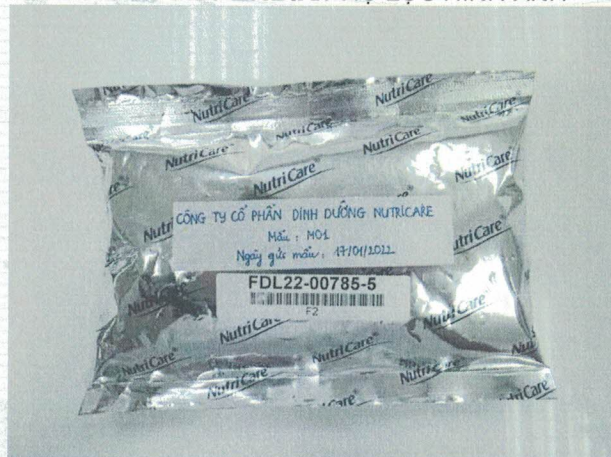
51140
 CÔNG
 3 VIỆ
 CH NH
 7-TF



Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
15. Serine <i>Serine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	839	mg/100g
16. Threonine <i>Threonine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	671	mg/100g
17. Tyrosine <i>Tyrosine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	624	mg/100g
18. Valine <i>Valine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	894	mg/100g

Note/Ghi chú:

- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
- The method(s) remarked with an asterisk (*) is (are) not currently within the ISO 17025 accreditation scope and the test(s) remarked with two asterisks (**) was (were) performed by subcontractor(s) that was (were) mentioned in the parentheses after the method respectively.
Phương pháp được đánh dấu một sao () chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025 và phép thử đánh dấu hai sao (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập tương ứng trong dấu ngoặc đơn ngay sau phương pháp.*

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH
SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 22012700DE



SGS

Page N°: 4/ 4

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCM City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

USA 281 2025 1020 / 281 281 2025 1021 www.sgs.com

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.